

Số: 148 /2018/QĐST-
HNGĐ

Bố Trạch, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Q;

Bị đơn: Anh **Hoàng Quốc C**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 9 năm 2018, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Lê Thị D và anh Hoàng Quốc C;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh C và chị D thỏa thuận thống nhất giao con Hoàng Quốc V, sinh ngày 09/11/2003 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 15/01/2010 cho anh Hoàng Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C và chị D thỏa thuận thống nhất không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con.

* Về tài sản chung và công nợ: Về tài sản chung và công nợ chị D và anh C thỏa thuận, thống nhất tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không

xét; nhưng chị D và anh C đề nghị ghi nội dung thỏa thuận(Theo Biên bản phân chia tài sản ngày 18/8/2018) vào quyết định của Tòa án, cụ thể:

Phần của anh Hoàng Quốc C: Được sở hữu nhà ở cấp bốn có diện tích 200m² với đất vườn đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; anh C chịu trách nhiệm trả nợ số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) của hai vợ chồng tại Quỹ tín dụng xã V, huyện B, tỉnh Q. Phần của chị Lê Thị D: Được sở hữu thửa đất số 75 tại tờ bản đồ số 5 với diện tích 17.498m² địa chỉ tại thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Q và xe mô tô hiệu AIRBLADE Biển kiểm soát 73 F1-38130.

*Về án phí:Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị D thỏa thuận nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo biên lai số 0002900 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q. Như vậy, chị D được nhận lại 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2 bản);
- Anh Hoàng Quốc C;
- Chị Lê Thị D;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bố Trạch;
- UBND xã P(Để biết);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân